TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Thành Trung;

Ông Nông Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Ngọc Hưng, Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị E, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Chu Văn L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Vi Thị E trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu trước trong khoảng thời gian ngắn. Vợ chồng có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 06/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh Chu Văn L thường xuyên rượu chè, về nhà thường xuyên chửi bới vợ con, có lần say rượu, anh Chu Văn L còn dùng ghế nhựa đánh vào đầu chị hiện nay vẫn còn sẹo trên đầu, khi đó có bố chồng là ông Chu Văn Ch, mẹ chồng là bà Lăng Thị B và em cô là Chu Thị M chứng kiến, những lần anh L say rượu, đánh đập chị như vậy chị không báo chính quyền địa phương đến giải quyết mà tự hòa giải trong gia đình. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào năm 2021 anh Chu Văn L cầm dao đuổi đánh chị ra khỏi nhà nên chị bỏ về nhà ngoại tại Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ở từ đó đến nay, còn anh Chu Văn L và con chung thì vẫn ở Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, nay chị xác định không còn tình cảm, không còn tình yêu và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh Chu Văn L được nữa, do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Chu Văn L.

- Về con chung: Chị Vi Thị E và anh Chu Văn L có 01 Chu Đức Tr, sinh ngày 18/4/2009. Khi ly hôn, do cháu Chu Đức Tr có nguyện vọng được ở với bố do vậy chị Vi Thị E sẽ để anh Chu Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Vi Thị E sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc anh Chu Văn L và chị Vi Thị E tìm hiểu nhau đi đến kết hôn và đăng ký kết hôn như chị Vi Thị E trình bày là đúng. Anh cũng thừa nhận có sự việc anh cầm ghế đánh vào đầu chị Vi Thị E tuy nhiên nguyên nhân sự việc là do ngày hôm đó chị E vừa đi Trung Quốc về dẫn theo 02 người bạn nam giới, do hiểu là chị E dẫn trai về nhà nên anh có bực tức, trong lúc nóng giận có cầm ghế đánh chị E. Còn về lần gần đây nhất, chị E có trình bày anh đuổi chị E ra khỏi nhà là do hôm đó vợ chồng có to tiếng với nhau vì chị càu nhàu nhiều do anh đi uống rượu nhưng sau đó anh cũng đã xuống xin lỗi vợ và bố mẹ vợ. Từ khi vợ chồng ly thân, anh vẫn chung thủy, nay chị Vi Thị E làm đơn ly hôn, anh không đồng ý vì thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Bản thân anh thấy hành vi đối với vợ là sai, xin hứa sẽ hạn chế uống rượu, sẽ không đánh vợ, không gây tổn thương cho vợ nữa.

- Về con chung và tài sản chung: Anh cũng đồng ý với phần trình bày và yêu cầu của chị Vi Thị E. Quá trình chung sống vợ chồng có tạo dựng được 01

sổ tiết kiệm đứng tên vợ, hiện anh đang giữ, anh có ý kiến không yêu cầu chia mà sẽ để lại cho con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng bà Lăng Thị B khai: Bà là mẹ đẻ của anh Chu Văn L và là mẹ chồng của chị Vi Thị E. Quá trình chung sống vợ chồng Éng, Lực ở riêng nên bà cũng không nắm rõ được mâu thuẫn chính của 2 vợ chồng. Chỉ có một lần vào đợt hội mùng 3 tháng Giêng âm lịch của xã, khi đó chị Vi Thị E mới đi Trung Quốc về có dẫn bạn là nam giới về nhà chơi, lúc đó anh Chu Văn L có nóng giận nên có dùng ghế nhựa đánh vào đầu chị Vi Thị E, gia đình cũng đã kịp ngăn cản lại. Sau khi sự việc đánh nhau xảy ra bà cũng khuyên bảo các con có gì bỏ qua cho nhau nhưng các con không nghe. Bà thấy vợ chồng Éng Lực đã ly thân khoảng 3 năm nay, chị Vi Thị E đã bỏ về bên ngoại, con trai bà là Chu Văn L có sang đón nhưng chị E không chịu về. Nay chị Vi Thị E làm đơn ly hôn, bà vẫn mong muốn chị E suy nghĩ lại, rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị E, cho chị Vi Thị E được ly hôn với anh Chu Văn L.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Vi Thị E và anh Chu Văn L về việc giao cháu Chu Đức Tr, sinh ngày 18/4/2009 cho anh Chu Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thuận được với nhau về vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung tuy nhiên không thỏa thuận được với nhau về phần quan hệ hôn nhân nên phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Vi Thị E khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Bị đơn anh Chu Văn L có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị E và anh Chu Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 06/6/2008 nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Chu Văn L xuyên rượu chè, về nhà thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ. Các bên đều thừa nhận có lần vào dịp hội mùng 3 tháng Giêng âm lịch của xã, anh Chu Văn L đã dùng ghế đánh vào đầu chị Vi Thị E có mẹ chồng là bà Lăng Thị B chứng kiến. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, nay chị Vi Thị E yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh Chu Văn L được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị E và anh L đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị E đưa ra là có căn cứ, cần được chấp nhận. Anh Chu Văn L yêu cầu đoàn tụ tuy nhiên không đưa ra được phương án cũng như biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng do vậy yêu cầu của anh là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Chu Đức Tr, sinh ngày 18/4/2009. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Chu Đức Tr vẫn sinh sống cùng với anh Chu Văn L ở thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Anh, chị thỏa thuận khi ly hôn, anh Chu Văn L sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ngoài ra, anh chị còn thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con theo đó chị Vi Thị E sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng). Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr nên công nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung: Các bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị E phải chịu phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con tuy nhiên chị Vi Thị E là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí phù hợp với quy định

của pháp luật nên cần chấp nhận miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Vi Thị E theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị E, cho chị Vi Thị E được ly hôn với anh Chu Văn L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Vi Thị E và anh Chu Văn L về việc giao cháu Chu Đức Tr, sinh ngày 18/4/2009 cho anh Chu Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị E được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Hoàn trả chị Vi Thị E số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003290 ngày 10 tháng 5 năm 2023.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Vi Thị E, bị đơn anh Chu Văn L có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trương Thị Hương Giang